

Tên: .....

Nghe: .....

Lớp: S2...

Ngày làm bài: Thứ....., ngày...../.....



## GLOBAL ENGLISH 2

### Unit 4: The big sky - Grammar 1 & Starters Listening

#### ❖ Extra vocabulary

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	page (n)	trang (sách)	2	story (n)	câu chuyện

\*Note: n = noun: danh từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

#### ❖ Listening

Con làm bài nghe với link:

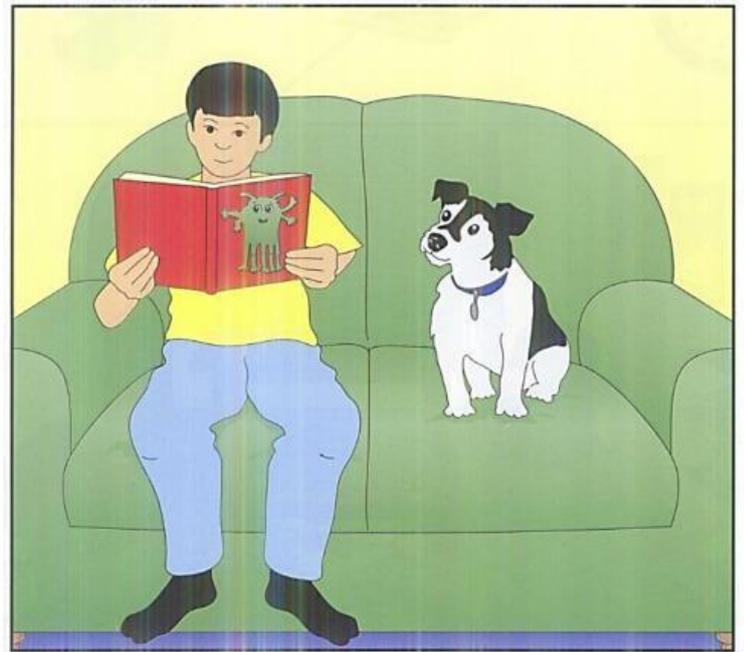
[https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2\\_test-2\\_part-02](https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2_test-2_part-02)

#### Part 2 - 5 questions

Read the questions. Listen and fill in the blanks with the given numbers/words.

There are two examples.

Nick	Boat
8	5
Chips	Alex
4	



#### Examples

- What's the boy's name? → Nick
- How many pages are in the book? → 8

#### Questions

1. What's the monster's name? .....
2. How many arms does the monster have? .....
3. Where does the monster live? in ..... Street
4. How many feet has the monster got? .....
5. What's the name of the dog? .....

Tên: .....

Ngữ pháp: .....

Lớp: S2...

Nghe: .....

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

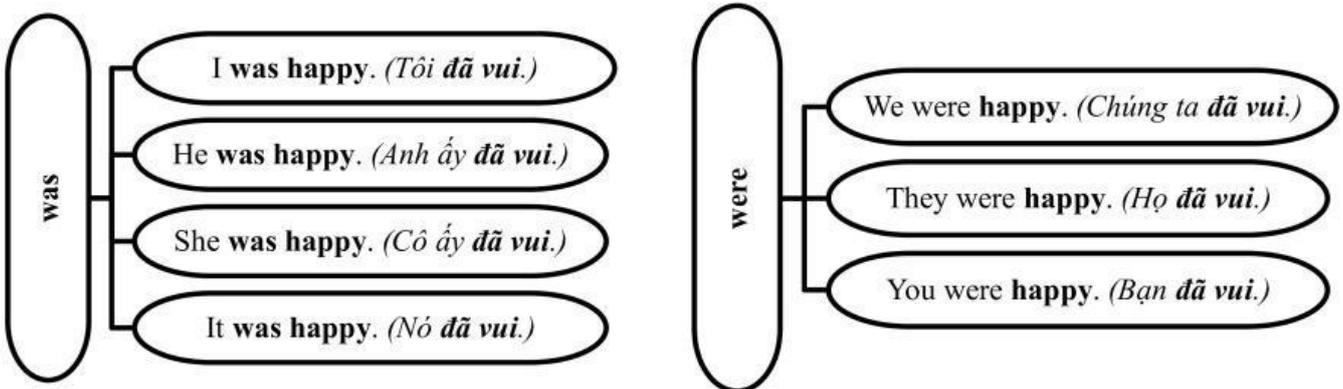


### GLOBAL ENGLISH 2

#### Unit 4: The big sky - Grammar 1 & Starters Listening

#### A. GRAMMAR: Past simple was/were – Positive (Thì quá khứ đơn với “was/were” – Câu khẳng định)

- **Cách dùng:** Để diễn tả một hành động hay sự việc đã diễn ra và kết thúc trong quá khứ.



#### Dấu hiệu nhận biết

last night / week / month / year  
(tối / tuần / tháng / năm trước)

yesterday (hôm qua)

#### B. EXTRA VOCABULARY

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	bedroom (n)	phòng ngủ	2	door (n)	cánh cửa

\*Note: n = noun: danh từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

#### C. HOMEWORK

#### Exercise 1. Choose the correct answers. (Chọn đáp án đúng.)

0. The milk \_\_\_\_\_ cold.

**was** / were



1. She \_\_\_\_\_ sick.

was / were



2. They \_\_\_\_ sad.

was / were



3. I \_\_\_\_ hungry.

was / were



4. He \_\_\_\_ a baker.

was / were



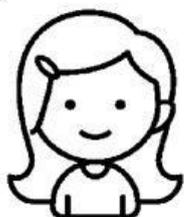
5. We \_\_\_\_ at school.

was / were



**Exercise 2. Match the subjects with the correct verbs. (Nối chủ ngữ với động từ đúng.)**

0. she



3. we



1. it



A. was

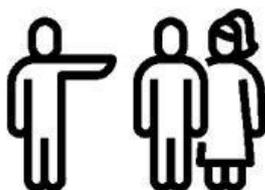
---

B. were

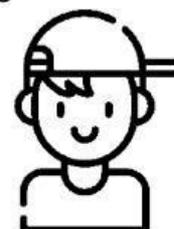
4. I



2. they



5. he



**Your answer:**

0 - <u>A</u>	1 - .....	2 - .....	3 - .....	4 - .....	5 - .....
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

**Exercise 3. Unscramble the words/phrases. (Sắp xếp lại các từ/cụm từ.)**

0. I / a student. / was  
 → I was a student.

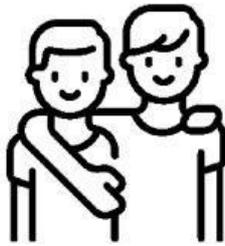


1. busy. / was / He  
 → .....



2. were / They / friends.

→ .....



3. were / We / happy.

→ .....



4. She / funny. / was

→ .....



5. Mary / short. / was

→ .....



**Exercise 4. Look at the picture. Read the sentences. Write Yes or No.**

*(Nhìn vào bức tranh. Đọc các câu. Viết Yes (Đúng) hoặc No (Sai).)*



0. They were in the park yesterday.

Yes

1. The dog was sad.

.....

2. The girls were happy.

.....

3. The boys were in the bed.

.....

4. It was rainy.

.....

5. There was a big tree.

.....

**CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE**

Con làm bài nghe với link:

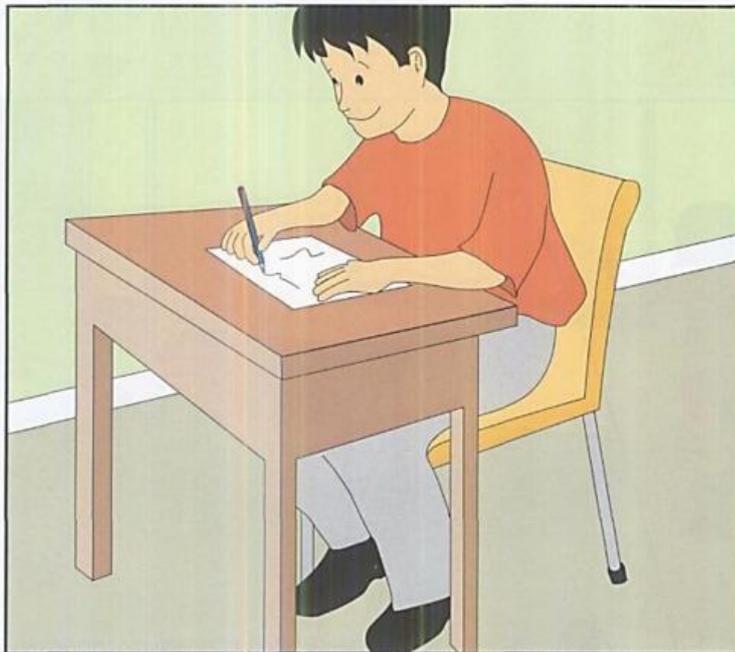
[https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2\\_test-3\\_part-02](https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2_test-3_part-02)

**Part 2 - 5 questions**

Read the questions. Listen and fill in the blanks with the given numbers/words.

There are two examples.

Tom	Bird
3	8
9	Tom
Grey	



**Examples**

- What's the boy's name? → Tom
- How many children are in the boy's picture? → 3

**Questions**

1. What's the girl's name? .....
2. How many bedrooms are in her house? .....
3. What number is on the door? .....
4. What's the name of her baby brother? .....
5. Which book is the girl reading? .....